

Số 20 /BC-CT

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 03 năm 2019

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
ĐẾN	Số: 3057
	Ngày: 25/3/2019
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng, về thực hiện cải cách hành chính năm 2019. Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính quý I năm 2019 như sau:

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Tiếp tục bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh Sóc Trăng, không ngừng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Ngay từ những tháng đầu năm, ngành thuế đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý, đáp ứng kịp thời theo yêu cầu của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ.

2. Tình hình ban hành, triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2016-2020 được Bộ Tài chính phê duyệt, theo đó tập trung hoàn thiện về thể chế, chính sách, rà soát các quy trình, các thủ tục hành chính thuế hiện hành kiến nghị sửa đổi, bổ sung, theo hướng đơn giản, công khai và hiệu quả.

- Chỉ đạo các phòng thuộc Cục Thuế và 11/11 Chi cục Thuế trực thuộc trên địa bàn tiếp tục triển khai thực hiện tốt mô hình một cửa, một cửa liên thông trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo hướng dẫn tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong công tác cải cách hành chính. Công tác kiểm soát TTHC thuế được ngành thuế tiếp tục quan tâm chỉ đạo kiểm soát, trong kỳ số hồ sơ, TTHC tiếp nhận tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông là 12.747 hồ sơ (trong đó có 12.682 hồ sơ giải quyết đúng hạn, còn lại 65 hồ sơ chưa đến hạn chuyển kỳ sau giải quyết).

- Về ứng dụng công nghệ hiện đại trong giải quyết thủ tục hành chính thuế được ngành thuế đặc biệt quan tâm và đặt lên hàng đầu, được xem là giải pháp thiết yếu trong rút ngắn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Ngành thuế tiếp

tục mở rộng và công khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4 đến các tổ chức và doanh nghiệp, theo đó có tổng cộng 125 thủ tục được triển khai theo phương thức này. Trong quý I/2019, tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký khai thuế điện tử tuy trì đạt 100%; nộp thuế điện tử đạt trên 96%.

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung chỉ đạo tại Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; cơ quan Trung ương đóng tại tỉnh Sóc Trăng. Kết quả, Cục Thuế đã hoàn thành các nội dung chấm điểm cải cách hành chính đúng thời gian quy định.

3. Giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC

Có thể khẳng định, việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong giải quyết thủ tục hành chính thuế, hướng dẫn, hỗ trợ NNT được ngành thuế quan tâm chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở theo dõi nghĩa vụ phát sinh của NNT từ hệ thống quản lý, trước khi đến hạn nộp hồ sơ thuế, cán bộ thuế đều có gửi thông báo nhắc nộp qua thư điện tử của NNT; trong hỗ trợ các vướng mắc về thủ tục, chính sách thuế,.. bên cạnh các kênh thông tin truyền thống như qua thư điện tử, điện thoại, Bộ phận một cửa còn sử dụng các trang mạng xã hội để thực hiện hỗ trợ NNT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho NNT có thể thực hiện một cách nhanh chóng, đảm bảo tính chính xác cao.

II. Kết quả đạt được

1. Báo cáo thông tin:

TT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Phạm Chí Đô	Cục Trưởng	0916.656.909
2	Công chức tham mưu cải cách hành chính	Đặng Thị Ngọc Diệp	Phó phòng KK-KTT&TH	0939.268.383
		Nguyễn Văn Trường	Trưởng phòng TH-NV-DT	04828.868.968
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Trịnh Minh Hậu	Chuyên viên	0939.511.900
4	Công chức phụ trách bộ phận một cửa	Ngô Mỹ Hương	Kiểm tra viên	0967.701.670

2. Kết quả đạt được trong triển khai 06 nhiệm vụ cải cách hành chính và một số nhiệm vụ khác (báo cáo theo các phụ lục đính kèm)

III. Khó khăn, vướng mắc

- Ngày 12/02/2019 UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND, về việc Ban hành quy chế phối hợp quy định phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, đến nay việc triển khai thực hiện giữa hai cơ quan vẫn chưa được thực hiện, việc luân chuyển hồ sơ, chứng từ giữa hai cơ quan vẫn thực hiện theo cách phổ thông, tốn nhiều thời gian và chi phí, chưa đảm bảo mục tiêu hiện đại hoá của ngành đã đề ra.

- Trong quý I/2019, Cục Thuế còn hạn chế trong công tác chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính tại đơn vị, là chưa ban hành kịp thời Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Nguyên nhân chậm là do chờ Kế hoạch chỉ đạo của Tổng cục Thuế, để đảm bảo các chỉ tiêu cải cách hành chính được thực hiện thống nhất trong toàn ngành.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Từ vướng mắc phát sinh nêu trên, Cục Thuế kiến nghị đến UBND tỉnh: Để công tác phối hợp trong thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo hình thức điện tử sớm được triển khai thực hiện, Cục Thuế kiến nghị UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo Cơ quan Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng, đảm bảo cho việc kết nối và trao đổi thông tin trong thời gian sớm nhất.

V/ Phương hướng

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tại Văn phòng Cục Thuế và Chi cục Thuế trực thuộc trên địa bàn. Phân đấu duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính thuế đúng hạn, đạt tỷ lệ 100%.

Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính thuế, thực hiện nghiêm yết và công khai rộng rãi các Quyết định số 1712/QĐ-BTC ngày 28/9/2018, về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý thuế, thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; Quyết định số 2204/QĐ-BTC, ngày 21/11/2018 của Bộ Tài chính về ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ngành Tài chính sẽ triển khai trong giai đoạn 2018-2019.

Đẩy mạnh triển khai mở rộng các dịch vụ điện tử trong thực hiện các thủ tục khai thuế, nộp thuế, miễn, giảm và hoàn thuế cho NNT. Duy trì tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế qua mạng đạt 100% và tỷ lệ nộp thuế điện tử đạt trên 96%.

Tiếp tục phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện các giai đoạn còn lại nhằm triển khai và đưa vào vận hành việc trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình theo Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Tiếp tục duy trì đánh giá kết quả cải cách thủ tục hành chính với mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo tinh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai công tác cải cách hành chính quý I/2019 và một số phương hướng triển khai công tác cải cách hành chính trong quý II/2019 của Cục thuế tỉnh Sóc Trăng. *Đwn*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh ST;
- Lưu: VT, KK (2b).

CỤC TRƯỞNG



Phạm Chí Đồ

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở
Nội vụ)

Biểu mẫu 1B

**Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính
sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện**
(từ 01/01/2019 đến 25/02/2019)

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc			
1	Kiểm tra công tác CCHC					
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước					
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008					
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính					
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)					

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm
kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

Đur

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kiểm tra Công vụ số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở
Nội vụ)



Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương
(01/01/2019 đến 25/02/2019)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ²	Có	286
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ³	Có	286
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Không	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Không	

Đun

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

³ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)

Biểu mẫu 4B

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng sở, ban ngành, đơn vị tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã (01/01/2019 đến 25/02/2019)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Cục thuế Tỉnh									
1	Hồ sơ đăng ký thuế	35	35	35		5	5	5		
2	Hồ sơ khai thuế	72	72	72						
3	Hồ sơ hoàn thuế	11	11	11						
4	Hồ sơ miễn giảm	18	18	18		2	2	2		
5	Hồ sơ nợ thuế, xóa	2	2	2						

⁴ Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

⁵ Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
	nợ									
6	Hồ sơ về hóa đơn	13	13	13						
7	Báo cáo	2	2	2						
8	Hồ sơ khác	11	11	11						
II	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Chi cục Thuế									
1	Hồ sơ đăng ký thuế	32	32	32						
2	Hồ sơ khai thuế	55	55	55						
3	Hồ sơ hoàn thuế	6	6	6						
4	Hồ sơ miễn giảm	8	8	8						
5	Hồ sơ về hóa đơn	13	13	13						
6	Hồ sơ giải quyết nợ thuế	0	0	0						



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
 (Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
	(khoanh nợ, xoá nợ)									
7	Hồ sơ khác	8	8	8						
	Tổng số = (I) + (II)	286	286	286	7	7	7			

Dun

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
 (Kèm theo Công văn số **VS/NV-CCHC** ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)



Biểu mẫu 5B

Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp sở ngành, cấp huyện

(01/01/2019 đến 25/02/2019)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trá đúng hạn	Trá quá hạn ⁶	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ⁷		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6) =(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Cục thuế	1.580		1.580	1.567	1.567			13	13		
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của CCT huyện	11.167		11.167	11.115	11.115			52	52		

Dun

⁶ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁷ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)

Tổng số = (I) + (II)	12.747		12.747	12.682	12.682		65	65		
----------------------	--------	--	--------	--------	--------	--	----	----	--	--

Biểu mẫu 6B

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện
(01/01/2019 đến 25/02/2019)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc ⁸		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình giãn biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁹		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ¹⁰		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹¹			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹²					
I	Cục Thuế	9		2				20	3	3		116				
II	Chi cục Thuế	11						25				238	-12	5	3	

⁸ Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

⁹ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹⁰ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹¹ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

¹² Nêu rõ thiếu chuẩn nào

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
 (Kèm theo Công văn số 130/SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)



Tổng số = (I) + (II)	20	2			45	3	3		354	-12	5	3	
----------------------	----	---	--	--	----	---	---	--	-----	-----	---	---	--

Biểu mẫu 7B

Thống kê số liệu về CBCCVC tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện (01/01/2019 đến 25/02/2019)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹³ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ¹⁴	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo ¹⁵	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁶	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ¹⁷	Không qua thi tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ¹⁸		TX ¹⁹	TH ²⁰
I	Cục Thuế	70		70		4				64					1	9	
II	Chi cục Thuế	232		232		1										48	

Dur

¹³ Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

¹⁴ Thống kê chi tiết tại đây

¹⁵ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁶ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

¹⁷ Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

¹⁸ Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

¹⁹ Thường xuyên

²⁰ Trước hạn

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở
Nội vụ)



Biểu mẫu 8B

**Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,
công vụ tại các đơn vị, địa phương
(01/01/2019 đến 25/02/2019)**

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức		
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		

Đưa



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
 (Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)

Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện (01/01/2019 đến 25/02/2019)

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú			
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận					
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử	Tổng số		Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính
I	Cục Thuế Tỉnh	439	439			0	0			178	178			
II	Chi cục Thuế	830	830			230	230			578	578			
	Tổng	1.269	1.269			22	230	230		103	756	756		

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ)



Biểu mẫu 11B

**Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương
(01/01/2019 đến 25/02/2019)**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Cục Thuế Tỉnh</i>	4	4	2	
<i>II</i>	<i>Chi cục Thuế</i>	2	2	2	
Tổng (I) + (II)		6	6	4	

Dun